

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGHĨA HƯNG  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 16 - 6- 2023.

V/v ly hôn giữa chị Hiền và anh Thế.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Biên.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Dương Thị Vui.

2. Ông Đàm Văn Kiều.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2023/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị **Lâm Thị H** – Sinh năm 2000.

Địa chỉ: **Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.**

+ Bị đơn: Anh **Dương Văn T** – Sinh năm 1995.

Địa chỉ: **Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.**

Tại phiên tòa có mặt chị **H**, vắng mặt anh **T**.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện lập ngày 03/6/2023 cũng như lời khai chị **Lâm Thị H** tại phiên tòa thể hiện: Chị kết hôn với anh **Dương Văn T** vào tháng 01/2021 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại **UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định**. Sau khi kết hôn vợ chồng vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn

thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến tháng 02/2023 thì vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh **T** không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị **H** đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Dương Văn T**.

Về con chung: Giữa chị và anh **T** có một con chung là cháu **Dương Cẩm T1**, sinh ngày 25/5/2022. Hiện cháu **T1** đang do chị chăm sóc nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn chị xin nhận trực tiếp nuôi cháu **T1** và không yêu cầu anh **T** phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Nếu anh **T** cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị thì chị nhất trí.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí chị **H** đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay anh **Dương Văn T** vắng mặt. Lời khai của anh **T** tại các buổi làm việc với Tòa án thể hiện: Anh kết hôn với chị **H** vào tháng 01/2021 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại **UBND xã N**. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Đến tháng 02/2023 thì vợ chồng anh sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay chị **H** xin ly hôn anh thì anh không nhất trí ly hôn với chị **Lâm Thị H** vì anh vẫn còn tình cảm với chị **H** và con còn nhỏ, anh mong chị **H** suy nghĩ lại về đoàn tụ với gia đình.

Về con chung: Giữa anh và chị **H** có một con chung là cháu **Dương Cẩm T1**, sinh ngày 25/5/2022. Hiện cháu **T1** đang do chị **H** chăm sóc nuôi dưỡng. Nếu vợ chồng phải ly hôn do cháu **T1** còn nhỏ thì anh để chị **H** nuôi cháu **T1** và anh sẽ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **T1** mỗi tháng 5.000.000 đồng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày



30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q: Xử lý hôn giữa chị Lâm Thị H và chị Dương Văn T; Về con chung: Giao cháu Dương Cẩm T1, sinh ngày 25/5/2022 cho chị Lâm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Dương Văn T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T1 mỗi tháng 5.000.000 đồng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi; Về án phí đề nghị tuyên theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lâm Thị H và anh Dương Văn T đều cư trú tại huyện N. Nay chị Lâm Thị H xin ly hôn anh Dương Văn T thì Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay anh Dương Văn T vắng mặt nhưng anh T nhưng anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Thế l phù hợp với khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Lâm Thị H và anh Dương Văn T vào tháng 01 năm 2021 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm không hiểu nhau. Đến tháng 02/2023 thì vợ chồng chị H anh T sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng giải quyết vợ chồng được ly hôn. Phía anh T không nhất trí ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị H và con còn nhỏ, anh mong chị H suy nghĩ lại về đoàn tụ với gia đình. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị xử lý hôn giữa chị H và anh T.

Hội đồng xét xử thấy: Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị H xin ly hôn anh T và anh T nên chấp nhận là phù hợp. Phía anh T không nhất trí ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị H và con còn nhỏ, anh mong chị H suy nghĩ lại về đoàn tụ với gia đình thấy không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Lâm Thị H và anh Dương Văn T đều thống nhất xác định vợ chồng có một con chung là cháu Dương Cẩm T1, sinh ngày 25/5/2022.

Hiện cháu **T1** đang do chị **H** chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn chị **H** và anh **T** đều thống nhất giao cháu **T1** cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng nên chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **H** không yêu cầu anh **T** phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Phía anh **T** xin tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **H** mỗi tháng là 5.000.000 đồng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Đó là việc tự nguyện của anh **T**, việc cấp dưỡng nuôi con như thế nào là do anh **T** cho con.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị **Lâm Thị H** và anh **Dương Văn T** đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí :

Án phí dân sự sơ thẩm chị **Lâm Thị H** phải nộp theo quy định của pháp luật.

Án phí cấp dưỡng nuôi con anh **Dương Văn T2** nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp. Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1 - Xử lý hôn giữa chị **Lâm Thị H** và anh **Dương Văn T**.

2- Về con chung: Giao cháu **Dương Cẩm T1**, sinh ngày 25/5/2022 cho chị **Lâm Thị H** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh **T** không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **H**. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm chị **Lâm Thị H** phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị **H** đã nộp theo biên lai số 0000923 ngày 07/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng, chị **H** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Toà án Tỉnh.
- VKS huyện.
- THA huyện.
- UBND xã Nghĩa Sơn.
- Các đương sự.
- Lưu án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**ĐÃ KÝ**

**Bùi Văn Biên**